CÔNG TY TNHH TBĐ MINH PHÚ
233 TÂN QUÝ - F.TÂN QUÝ - Q.TÂN PHÚ
38/22 PHAN VĂN HỚN - XTT - HÓC MÔN

MINH PHU Co., LTD

: 08.6278 6119-2243.3223 - Fax : 08.3559.1857
Mobile : 0908.971.780 - 0918.971.780
bsite : minhphu.net - www.muabandiennuoc.net
Email : minhphu.emp@gmail.com

BẢNG GIÁ ỐNG NƯỚC SẠCH HÀN NHIỆT PPR - SUNMAX KHÁNG KHUẨN

I. Ống Cấp

(BẢO HÀNH 10 NĂM)

Ống nước lạnh PPR	Đơn Giá		Ống nước nóng	Đơn giá
D20mm x 2.3mm Sunmax KK	23,900		D20mm x 3.4mm Sunmax KK	30,200
D25mm x 2.8mm Sunmax KK	42,800		D25mm x 4.2mm Sunmax KK	49,500
D32mm x 2.9mm Sunmax KK	59,000		D32mm x 5.4mm Sunmax KK	85,000
D40mm x 3.7mm Sunmax KK	77,900		D40mm x 6.7mm Sunmax KK	128,000
D50mm x 4.6mm Sunmax KK	115,000		D50mm x 8.3mm Sunmax KK	187,000
D63mm x 5.8mm Sunmax	187,000		D63mm x 10.3mm Sunmax	197,000
D75mm x 6.8mm Sunmax	309,000		D75mm x 12.5mm Sunmax	**Máy hàn HN2040**
D90mm x 8.2mm Sunmax	450,000		D90mm x 15.0mm Sunmax	**1,800,000 VNĐ**
D110mm x 10mm Sunmax	690,000		D110mm x 15.0mm Sunmax	

II. Phụ kiện ống PPR (VND/Chiếc)

Quy cách	Co 90	T đều 90	Lơi 45	Nối thẳng	Bít ren trong	Bít ren ngoài	Van cửa	Cầu vượt
20	6,000	7,200	5,800	5,000	5,500	8,000	155,000	25,500
25	9,500	12,000	8,500	6,200	6,500	12,000	198,000	40,500
32	14,000	17,900	13,500	9,200	7,400		235,000	74,500
40	25,800	39,500	26,500	15,900	24,600		358,000	
50	59,800	68,000	49,700	27,500	37,800		620,000	
63	138,000	158,200	125,000	55,000	43,000		1,030,000	
75	158,000	178,800	178,000	97,000			1,850,000	Van bi gạt rắc co
90	255,000	285,000	195,000	165,000			2,250,000	Van bi gạt rắc co
110	450,000	485,000	355,000	265,000				

Quy cách	Co RT	Co RN	Nối ren trong	ối ren ngoà	T ren trong	T ren ngoài	Rắc co RT	Rắc co RN
20*1/2	54,700	74,000	42,500	49,500	44,000	53,500	99,800	112,000
25*1/2	64,000	82,000	47,000	55,000	49,700	68,000		
25*3/4	68,800	85,000	58,900	68,300	69,000	69,800	150,000	165,000
32*1	145,900	165,000	119,000	128,000	199,000	199,000	240,000	254,000
40*1.1/4			225,000	308,000			360,000	349,000
50*1.1/2			298,000	395,000			565,000	655,000
63*2			580,000	655,000			880,000	955,000

Quy Cách	T Giảm	Nối giảm	Quy Cách	T giảm	Nối giảm	Quy Cách	T giảm	Nối giảm
25/2025	12,500	5,500	50/40/50	72,500	22,000	75/50/75	190,000	127,000
32/20/32	18,500	6,200	63/20/63	137,500	22,500	75/63/75	195,000	127,000
32/25/32	19,500	13,500	63/25/63	137,500	44,000	90/50/90	295,000	168,000
40/2040	45,500	14,500	63/32/63	139,500	44,000	90/63/90	305,000	178,000
40/25/40	45,500	14,500	63/40/63	142,500	47,000	90/75/90	315,000	188,000
40/32/40	48,500	17,500	63/50/63	147,500	54,000	110/63/110	495,000	232,000
50/2050	72,500	22,000	75/25/63	190,000	127,000	110/75/110	498,000	232,000
50/25/50	72,500	22,000	75/32/63	190,000	127,000	110/90/110	505,000	232,000
50/32/50	76,500	27,000	75/40/75	198,000	137,000			

Ghi chú :

Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%, vận chuyển trong thành ph

Bảng giá trên có hiệu lực từ ngày 01/06/2013đến khi có bảng báo ;

Ngày 01 tháng 06 năm 2013
Phòng Kinh Doanh
Công Ty TNHH TB Điện Minh Phú